

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Đăng Thức

2.Ông Nguyễn Đức Mịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Phàng A S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1985 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản S1, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phàng A C và bà Hạng Thị D; Vợ: Mùa Thị D, sinh năm 1996; Con: có 04 con, lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án: không; Tiền sự: ngày 09/5/2018 bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 25/12/2018 được tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hạng A S1; Sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản P, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Anh Hạng A N; Sinh năm 1992; Nơi cư trú: Bản P, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Anh Thào A C; Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Chị Mùa Thị D; Sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản S1, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 18/12/2018, Phàng A S và Hạng A N đang ở phòng trọ của Phàng A S tại Tiểu khu 2, Thị trấn B thì có Hạng A S1 đến chơi và rủ S và N đánh bài. S và N đồng ý rồi 03 người ngồi vào đánh bài với hình thức là “đánh phỏm” và quy ước hết mỗi ván, người về nhất được người về nhì trả 10.000đồng, người về ba trả 20.000đồng; nếu ai không có phỏm (cháy) thì phải trả 30.000đồng; còn ai “Ừ” (có 03 phỏm) thì mỗi người phải trả cho người “Ừ” 40.000đồng ván đó. S lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài có sẵn trong phòng trọ rồi chia bài ván đầu tiên. Khi S, N, S1 chơi đến khoảng hơn 17 giờ 15 phút thì Thảo A C đến và xin vào chơi cùng. Lúc này, các đối tượng thay đổi luật chơi, cứ ai về nhất thì những người còn lại mỗi người trả 50.000đồng cho người nhất. Đến khoảng 17^h 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 3.190.000đ, trong đó của Phàng A S là 740.000đ, Hạng A N là 500.000đ, Thảo A C là 340.000đ, Hạng A S1 là 1.610.000đ.

Vật chứng, tài sản thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A – K; 01 chiếc chiếu màu đỏ có hoa văn xanh. Tiền ngân hàng nhà nước Việt nam: 3.190.000 đồng.

Ngày 19/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trưng cầu giám định số tiền bắt quả tang ngày 18/12/2018 là 3.190.000đồng. Tại bản kết luận giám định số 45 ngày 24/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, kết luận mẫu gửi giám định số tiền bắt quả tang ngày 18/12/2018 là tiền thật.

Tại phiên tòa công khai bị cáo Phàng A S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-BY ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Phàng A S phạm tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phàng A S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ thời gian tạm giữ là 08 ngày. Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tước quyền thu tiêu hủy vật chứng là 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A – K; 01 chiếc chiếu màu đỏ có hoa văn xanh. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.190.000 đồng. Áp dụng điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Phàng A S tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận. Hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, bị cáo sẽ không tái phạm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mùa Thị D trình bày: Đề nghị cho bị cáo S (là chồng) được cải tạo tại địa phương gia đình có trách nhiệm giám sát giáo dục, không để bị cáo tái phạm. Còn chiếc chiếu dùng để đánh bạc là của chị D mua về sử dụng đã cũ không còn giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phàng A S, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 18/12/2018, tại phòng trọ của Phàng A S tại tiểu khu 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, bị cáo Phàng A S cùng Hạng A S1, Hạng A N và Thào A C đang có hành vi đánh bài bằng hình thức “đánh Phỏm” được thu bằng tiền thì bị tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Sơn La bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A – K; 01 chiếc chiếu màu đỏ có hoa văn xanh. Tiền ngân hàng nhà nước Việt nam: 3.190.000 đồng.

Qua quá trình điều tra xác minh, biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của bị cáo và người liên quan tại phiên tòa công khai xác định tổng số tiền bị cáo Phàng A S và anh Hạng A S1, Hạng A N, Thào A C sử dụng vào việc đánh bạc là 3.190.000 đồng. Trong đó bị cáo Phàng A S có 740.000 đồng, Hạng A S1 có 1.610.000 đồng, Hạng A N có 500.000 đồng và Thào A C có 340.000 đồng.

Theo bản kết luận giám định số 45 ngày 24/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, kết luận 3.190.000 đồng có số mã hiệu như trong thống kê danh sách tiền gửi trưng cầu giám định do Công an huyện Bắc Yên lập là tiền thật.

Xét hành vi đánh bài được thua bằng tiền trên của bị cáo tuy số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 3.190.000 đồng dưới mức định lượng của khung hình phạt (5.000.000 đồng) nhưng ngày 09/5/2018 bị cáo Phàng A S đã bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền với số tiền 1.000.000 đồng (ngày 16/5/2018 Phàng A S đã thi hành xong Quyết định) nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Do đó hành vi của bị cáo Phàng A S đã cấu thành tội: “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, việc xét xử bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Phàng A S do hám lợi, đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “đánh Phỏm” được thua bằng tiền, mặc dù số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn song hành vi của bị cáo gây mất an ninh trong xã hội, làm ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống và các chuẩn mực xã hội, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc, kinh tế của gia đình, là cơ sở phát sinh tội phạm cũng như tệ nạn xã hội khác. Hành vi của bị cáo có mức hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự: “phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phàng A S: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Nên bị cáo Phàng A S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét bị cáo Phàng A S tham gia đánh bạc với số tiền ít, bị cáo là người bị rủ rê, điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo là người dân tộc Mông. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo và gia đình bị cáo xin được tự cải tạo tại địa phương, có xác nhận đề nghị của UBND xã S nơi cư trú của bị cáo, nên chưa cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 cũng đủ điều kiện giúp bị cáo tự cải tạo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội.

[4] Bị cáo Phàng A S bị tạm giữ từ ngày 18/12/2018 đến ngày 25/12/2018 được tại ngoại sẽ được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự còn quy định người bị kết án về cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung

là phạt tiền, bị khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, gia đình thuộc diện hộ nghèo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với số vật chứng gồm 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A – K; 01 chiếc chiếu màu đỏ có hoa văn xanh không còn giá trị sử dụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị nhận lại, cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 3.190.000 đồng là công cụ bị cáo S cùng Hạng A S1, Hạng A N, Thào A C dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Vì vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[7] Đối với hành vi Hạng A S1, Hạng A N và Thào A C là người tham gia đánh bạc cùng bị cáo Phàng A S. Tổng số tiền bị cáo S, S1, N, C đã sử dụng để đánh bạc (“đánh Phỏm”) với nhau là 3.190.000 đồng chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngày 21/01/2019, Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Hạng A N và Thào A C số tiền 1.000.000 đồng. Cùng ngày Ủy ban nhân dân huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Hạng A S1 số tiền 5.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn T là chủ nhà trọ nơi Phàng A S thuê trọ và sử dụng làm địa điểm đánh bạc, việc bị cáo Phàng A S và Hạng A S1, Hạng A N, Thào A S sử dụng địa điểm để thực hiện hành vi đánh bạc, anh T hoàn toàn không biết do vậy không có cơ sở, căn cứ để xử lý đối với anh Nguyễn Văn T.

[8] Về án phí: Phàng A S là cá nhân thuộc hộ nghèo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện B thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phàng A S phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phàng A S 15 tháng (mười lăm tháng) cải tạo không giam giữ (được khấu trừ thời gian tạm giữ 08 ngày, được quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ) bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 14 tháng (mười bốn tháng) 06 ngày (sáu ngày) cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Phàng A S cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung; Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phàng A Sênh.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.190.000đồng (ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) của bị cáo Phàng A S và anh Hạng A S1, Hạng A N, Thào A C.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A – K; 01 chiếc chiếu màu đỏ có hoa văn xanh, có kích thước 1,8m x 2m (chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng).

Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Phàng A S.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Ncố qlnv liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Tùng

